

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC
Năm báo cáo : 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC
Tên giao dịch:	BACH DANG TMC CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
GCN ĐKKD :	0200630129
Vốn điều lệ đăng ký:	60.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ đã góp:	46.000.000.000 đồng (tính đến 31/12/2016)
Người đại diện theo pháp luật:	Nguyễn Văn Thường – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Địa chỉ:	Tầng B, Số 99 Ngụy Như Kon Tum – Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại:	04.62865483
Fax:	04.62865987
Email:	bachdangtmc@gmail.com
Website:	www.bachdangtmc.com
Mã cổ phiếu:	BHT

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty được thành lập ngày 12 tháng 10 năm 1998 theo quyết định số 992/QĐ - BXD do Bộ trưởng Bộ xây dựng ký được lấy tên là: Công ty xây dựng và dịch vụ du lịch Đồ Sơn - Trục thuộc Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng - Có trụ sở Công ty đặt tại Khu II, thị xã Đồ Sơn - Thành Phố Hải Phòng.

Ngày **23/12/2004** theo quyết định số 2043/QĐ - BXD của Bộ xây dựng chuyển đổi từ Công ty nhà nước thành Công ty Cổ phần được lấy tên là Công ty Cổ phần lắp máy điện nước và xây dựng có trụ sở tại An Hồng - An Dương - Hải Phòng.

Ngày 13/06/2006 Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng chấp thuận cho Công ty CP Lắp máy điện nước & Xây dựng chuyên trụ sở từ An Hồng - An Dương - Hải Phòng lên Hà Nội theo công văn số 58/HĐQT/TCT. Ngày 26/05/2007 theo quyết định số 2A/QĐ-HĐQT Công ty đã đổi tên thành Công ty CP Đầu tư xây dựng & Lắp máy TMC có trụ sở tại số 6 lô 1C Trung Yên 8 - Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội.

Tháng 02/2010, tên Công ty được đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC và Đại hội cổ đông thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 26 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 1.300.000 cổ phần. Năm 2011, công ty đã phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi trị giá 20.tỷ đồng và năm 2012 chuyển đổi nâng vốn điều lệ Công ty 46 tỷ.

Ngày 11/01/2011, cổ phiếu BHT của công ty chính thức được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tháng 6/2016 Công ty chuyển trụ sở sang địa chỉ tại Tầng B, Số 99 Ngụy Như Kon Tum – Thanh Xuân - Hà Nội

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chính Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200630129 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất ống nhựa, nhôm nhiều lớp và phụ kiện, kết cấu thép hình các loại;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Tư vấn, xây dựng và lắp kéo rải cáp, máng cáp chôn ngầm cho ngành điện và bưu điện (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Xây dựng các công trình thuỷ lợi, khu công nghệ cao, chuẩn bị mặt bằng xây dựng;
- Lắp đặt điện nước, hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Gia công lắp dựng kết cấu thép hình các loại;
- Thi công các công trình cấp nước và thoát nước;
- Lắp đặt và cung cấp vật tư, thiết bị điện dân dụng, điện công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản
- Lắp đặt hệ thống điện;

Địa bàn kinh doanh chính: Hà Nội và các vùng lân cận, và các tỉnh Nghệ An, Ninh Bình, Hà Nam, Thanh Hoá, Hải phòng

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Công ty có Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên trong đó có Chủ tịch hội đồng quản trị, một uỷ viên HĐQT thường trực và 3 uỷ viên HĐQT.

Hội đồng quản trị quản lý, điều hành công ty thông qua Ban Tổng giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý : Công ty có 01 chi nhánh, 5 phòng ban, 4 đội trực thuộc và 2 ban điều hành trực thuộc công ty

Các công ty con, công ty liên kết: không có

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Kinh doanh có lãi, đảm bảo và phát triển vốn của cổ đông, đảm bảo quyền lợi của Công ty, cổ đông và quyền lợi của người lao động.

- Đảm bảo cho Doanh nghiệp ngày càng phát triển và ổn định, xây dựng nguồn lực, phát triển các thế mạnh của mình.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển nguồn lực: với quan điểm phát triển bền vững, trong nhiều năm qua còn rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty luôn coi trọng công tác chăm lo và cải thiện đời sống và môi trường làm việc cho các cán bộ công nhân viên. Ngoài việc thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan nghỉ mát. Công ty xây dựng nhiều quy định về tuyển dụng lao động, trợ cấp khó khăn, thôi việc, trợ cấp hưu trí.. Tổ chức thường xuyên và khen thưởng kịp thời các sáng kiến kỹ thuật trong sản xuất...

- Tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện sản xuất công nghiệp và xây lắp, đặc biệt coi trọng việc ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng và xác định đó là yếu tố quan trọng để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Đẩy nhanh tiến độ, phối hợp với đối tác thực hiện dự án đầu tư tại Xuân Đình – Hà Nội.

Để thực hiện chiến lược trên trong năm 2017 Công ty Bạch Đằng TMC tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Chú trọng xây dựng, bồi dưỡng nguồn lực đặc biệt là nguồn nhân sự quản lý cấp cao, chủ động nguồn nhân lực phục vụ cho các dự án có quy mô lớn như các dự án bất động sản, các dự án đầu tư liên danh, liên kết Đồng thời có kế hoạch thực hiện nghiêm túc các chương trình đào tạo nâng cao cho cán bộ quản lý.

- Hoàn thiện trên cơ chế quản lý nâng cao hiệu quả đầu tư rút ngắn thời gian chuẩn bị thủ tục, phát huy thế mạnh của công ty tại các dự án đầu tư bất động sản trên cả nước.

- Đẩy mạnh hợp tác đầu tư với các đối tác, các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực phát triển nhà ở, chung cư tại Hà Nội và các tỉnh lân cận

- Tiếp tục phát huy thế mạnh thi công bằng công nghệ cốppha trượt trong thi công xây lắp, đổi mới, cải tiến kỹ thuật, thực hiện tiết kiệm tại công trường để giảm chi phí tại công trường của công ty.

6. Các rủi ro

Các rủi ro đến từ việc Chủ đầu tư chậm thanh toán, gây khó khăn trong việc thanh quyết toán công trình hoặc không đủ tài chính để thi công tiếp dẫn đến việc chậm tiến độ thi công làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và mục tiêu của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, cùng với các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng chung của những bất ổn trong nền kinh tế, với sự nỗ lực toàn bộ CBCNV Công ty cố gắng vượt qua khó khăn. Song kết quả sản xuất kinh doanh đạt được không như mong muốn cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ % t 2016 so với 2015
Tổng giá trị tài sản	Tr. đ	204.901	170.320	-16,87%
Doanh thu thuần	Tr. đ	9.872	6.603	-33,11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đ	(12.976)	(19.319)	48,88%
Lợi nhuận khác	Tr. đ	7.145	(6.591)	-192,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	(5.830)	(25.911)	344,4%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	(5.830)	(27.540)	372,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	-	-	

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2016 mà công ty đặt ra đều không đạt được so với kế hoạch, nguyên nhân là do việc làm ít doanh thu thấp, trích lập dự phòng nhiều, hàng tồn kho lớn. Ngoài ra Chủ đầu tư chậm thanh toán làm chậm tiến độ thi công, ngân hàng khó khăn trong việc cho vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty .

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành:

Ông Nguyễn Văn Thường Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2016

Bà Dương Thị Thủy Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2016

2.1.1 Tổng giám đốc

- Họ và tên	Nguyễn Văn Thường
- Số CMND	012888825 Ngày cấp: 23/06/2006 Nơi cấp: C.A Hà Nội
- Giới tính	Nam
- Ngày tháng năm sinh	12/1/1960
- Nơi sinh	Gia Lập – Gia Viễn – Ninh Bình.
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Quê quán	Gia Lập – Gia Viễn – Ninh Bình

- Địa chỉ thường trú	Trung Hòa - Nhân Chính - Cầu Giấy - Hà Nội
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(04) 62865483
- Trình độ văn hóa	10/10
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác	
- 1981 đến 2002	Cán bộ cty Xây dựng số 9 (Vinaconex 9)
- 2003 đến 2004	Phó giám đốc Chi nhánh vinaconex 9
- 2005 đến 2006	Giám đốc Công ty CP lắp máy điện nước và xây dựng
- 2006 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC
- Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần nắm giữ	380.000 cổ phần.
Trong đó	
+ Sở hữu	200.000 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	180.000 cổ phần.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	8,2%

2.1.2 Kế toán trưởng - Bà Dương Thị Thủy

- Họ và tên	Dương Thị Thủy
- Số CMND	011847270 CA Hà Nội cấp ngày 11/03/2011
- Giới tính	Nữ
- Ngày tháng năm sinh	21/10/1979
- Nơi sinh	Hà Nội
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Quê quán	Kỳ Anh – Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú	Số 4, ngõ 230/138 tổ 9 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan	04) 62865483
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

-	Quá trình công tác	
	- 2001 đến 2005	Kế toán Công ty Xây dựng cầu 75
	- 2005 đến 2008	Phó phòng kế toán Công ty CP đầu tư XD và lắp máy TMC
-	- 2008 đến nay	Ủy Viên HĐQT kiêm Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC
-	Chức vụ công tác hiện nay	Ủy Viên HĐQT kiêm kế toán trưởng
	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
	Số cổ phần nắm giữ	33.100 cổ phần
	Trong đó	
-	+ Sở hữu	33.100 cổ phần
-	+ Đại diện sở hữu	0 Cổ phần

2.2 **Những thay đổi trong ban điều hành:** Năm 2016, Ông Đinh Đức Tân – Tổng giám đốc công ty hết nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị thống nhất không bổ nhiệm lại đối với ông Đinh Đức Tân và cử Ông Nguyễn Văn Thương – Chủ tịch HĐQT kiêm giữ chức vụ Tổng Giám đốc công ty

Năm 2016, Ông Nguyễn Văn Hợp – Kế toán trưởng công ty hết nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị thống nhất không bổ nhiệm lại đối với ông Nguyễn Văn Hợp và cử Bà Dương Thị Thủy – Ủy viên HĐQT giữ chức vụ Kế Toán trưởng công ty

2.3 Số lượng cán bộ công nhân viên:

Tính đến ngày 31/12/2016 số lượng cán bộ công nhân viên Công ty là: 120 người.

Trong đó:

- Trình độ Đại học, cao đẳng, trung cấp : 40 người.
- Công nhân, kỹ thuật. lao động phổ thông : 80 người

Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi nhằm thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.
- Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ ba tháng trở lên.
- Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả

sản xuất kinh doanh của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất và kinh tế theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn:

Công ty đang tiến hành đầu tư Dự án Tổ hợp các công trình nhà ở, căn hộ cao cấp và văn phòng cho thuê tại Xuân Đình Hà Nội .

Năm 2016, Công ty tiếp tục cùng với bên liên danh Công ty CP Bất động sản Vimedimex triển khai mạnh mẽ thực hiện dự án: Tổ hợp các công trình nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê và công cộng, diện tích 4,97 ha tại hà nội với tổng mức đầu tư ban đầu là: 1.998 tỷ đồng đã được các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận giao cho công ty làm chủ đầu tư. Hiện nay, công ty đang cùng đối tác liên doanh tiến hành các công việc cần thiết để thực hiện dự án

- Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt nam nói riêng vẫn còn những khó khăn sau hậu suy thoái đang trong thời gian hồi phục, Bạch Đằng TMC vẫn phải đương đầu với không ít khó khăn trong năm 2016.

a, Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. đ	204.901	170.320	-16,87%
Doanh thu thuần	Tr. đ	9.872	6.603	-33,11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đ	(12.976)	(19.319)	48,88%
Lợi nhuận khác	Tr. đ	7.145	(6.591)	-192,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	(5.830)	(25.911)	344,4%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	(5.830)	(27.540)	372,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	-	-	

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần			
- TSLĐ/ nợ ngắn hạn:		2,39	2,18	
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ – Hàng tồn kho/ nợ ngắn hạn	Lần	0,88	0,51	
2. Chỉ tiêu cơ bản về cơ cấu vốn				

- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,77	0,88	
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	3,38	7,85	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động - Vòng quay hàng tồn kho\ + Giá vốn bán hàng + Hàng tồn kho bình quân	Lần	0,12	0,114	
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Đồng	0,048	0,038	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	%	-0,59	-4,17	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	%	-0,12	-1,43	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	-0,028	-0,16	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / doanh thu thuần	%	-1,31	-2,93	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cổ phần

- Tính đến 31/12/2016 Số cổ phần của công ty là : **4.600.000** cổ phần
- **Loại cổ phần:** cổ phần phổ thông.

Tính đến 31/12/2016 số lượng cổ phiếu đang lưu hành như sau:

TT	Loại cổ phiếu lưu hành	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
1	Hạn chế chuyển nhượng	35.000	0,76%
1.1	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước		
	- Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng	35.000	
2	Tự do chuyển nhượng	4.565.000	99,24%
	Tổng (1+2)	4.600.000	100%

b, Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông góp vốn nhà nước

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số CP nắm giữ
-----	-------------	---------	------------------	---------------

	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG ĐẠI DIỆN: Nguyễn Văn Thường	Số 268 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	110046	227.300
		Nhà 24T1 Trung Hòa - Nhân Chính - Cầu Giấy – Hà Nội	01288885	

Cơ cấu cổ đông lớn:

TT	Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ	Địa chỉ
1	Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng	227.300	4,94%	Số 268, Trần Nguyên Hòa, Lê Chân, Hải Phòng
2	Công ty CP phát triển đô thị Từ Liêm	649.000	14.11%	Tầng 2A - Nhà N09B1 - KĐT mới Dịch Vọng - Cầu Giấy Hà Nội
3	Bà Dương Thị Hà	690.000	15.0%	Nhà 34T Trung Hòa, Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội

Số lượng cổ phiếu còn lại là của cá nhân

c, Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Năm 2016, Vốn chủ sở hữu không có thay đổi gì

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ : không có

e, Các chứng khoán khác : không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty

Một số chỉ tiêu tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2016 được thể hiện trong các bảng số liệu ở mục II. 1

- Những tiến bộ mà Công ty đã đạt được

- Uy tín và thương hiệu của Bạch Đằng TMC đã trở thành một thương hiệu lớn ở Việt Nam.
- Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân có trình độ, năng động, sáng tạo nhiệt tình đoàn kết và có tinh thần trách nhiệm cao.

Bên cạnh đó, việc chuyển hướng tham gia vào lĩnh vực đầu tư bất động sản dựa trên cơ sở các thế mạnh của Công ty cũng đánh dấu một bước chuyển hướng tích cực trong kế hoạch đa dạng hoá lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Năm 2016 Công ty cũng đã tổ chức, sắp xếp lại nhân sự ở nhiều bộ phận chức năng, ban hành quy chế thưởng phạt rõ ràng, ban hành quy chế tiền lương, tiền thưởng tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản

Năm 2016, tình hình tài sản của công ty đã được tăng thêm

b, Tình hình nợ phải trả

- Hiện tại, công ty còn một số công nợ đối với các nhà cung cấp tại các công trường chưa giải quyết dứt điểm được do sự chậm trễ thanh toán của các chủ đầu tư. Ban lãnh đạo công ty đang có các biện pháp tích cực để giải quyết nhanh nhất và dứt điểm đối với các công nợ này

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

- Thay đổi, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức lại Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị trực thuộc để phù hợp hơn với yêu cầu mới, nhiệm vụ mới.

4. Kế hoạch trong tương lai

Để đáp ứng xu thế hội nhập và phát triển, với quan điểm phát triển bền vững Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bạch Đằng TMC luôn chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng và xác định đó là yếu tố quan trọng để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tăng vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty

Cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập cho người lao động.....

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2016 là một năm đầy thách thức và khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản. Trước tình hình khó khăn của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế đất nước nói riêng, Hội đồng quản trị đã cố gắng đưa ra các hướng đi mới, các biện pháp tốt nhất nhằm đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn. Hội đồng quản trị đã trực tiếp và thường xuyên định hướng chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện quyết liệt các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Năm 2016, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đã tăng so với năm 2015, song các chỉ tiêu kinh doanh của công ty đề ra đều không đạt. Công ty đã có những phương hướng và hành động tích cực để tạo công ăn việc làm cho CBCNV trong công ty và việc làm cho năm 2017.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2016 Ban Tổng giám đốc thực hiện chưa tốt các chỉ tiêu của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch Định hướng Hội đồng quản trị

Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

- Tái cơ cấu lại mô hình tổ chức công ty cho phù hợp với thời điểm hiện tại.
- Nâng cao vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT và mỗi thành viên HĐQT đối với công tác quản trị công ty. Bổ xung cán bộ chủ chốt có năng lực lãnh đạo công ty để tái cơ cấu công tác tổ chức công ty.
- Tập trung cao độ tìm kiếm việc làm mở rộng thị trường, đặc biệt mở rộng các công trình có vốn ODA, FDI, các đối tác nước ngoài. Đẩy doanh thu của công ty năm 2017 lên 50 tỷ, các năm tiếp theo tăng trưởng 15-20%/năm

- Phối hợp chặt chẽ với liên doanh đẩy nhanh công tác đầu tư Khu đô thị Xuân Đình – Bắc Từ Liêm – Hà Nội để làm hạ tầng cơ sở vào quý II và đưa vào khai thác vào cuối năm 2017.
- Giám sát và đôn đốc Ban Tổng giám đốc tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, tăng cường công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý các công trường đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, đẩy mạnh công tác thu hồi vốn và đưa ra nhiều phương pháp thu hồi vốn hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý thiết bị và sử dụng triệt để và hiệu quả
- Tăng cường quan hệ với ngân hàng để đáp ứng nguồn tín dụng cho Sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a, Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

Thành viên gồm:

Ông Nguyễn Văn Thường	Chủ tịch
Ông Đinh Đức Tân	Ủy viên
Bà Dương Thị Thủy	Ủy viên
Ông Tạ Văn Tú	Ủy viên
Ông Phạm Đình Huỳnh	Ủy viên

Cơ cấu như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số chức danh HĐQT tại công ty khác	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thường	Chủ tịch HĐQT	8,2%	0	Thành viên độc lập
2	Đinh Đức Tân	Thành viên HĐQT	1,6%	0	Thành viên độc lập
3	Dương Thị Thủy	Thành viên HĐQT	0,71%	0	Thành viên độc lập
4	Tạ Văn Tú	Thành viên HĐQT	0,02%	0	Thành viên không tham gia điều hành
5	Phạm Đình Huỳnh	Thành viên HĐQT	0,01%	0	Thành viên không tham gia điều hành

Danh sách và thông tin các thành viên hội đồng quản trị: Gồm 5 thành viên

1. Ông Nguyễn Văn Thường - Chủ tịch HĐQT (xem mục 2.1.1)

2. Ông Đinh Đức Tân – Ủy viên HĐQT

- Họ và tên

Đinh Đức Tân

- Số CMND	012793555	Ngày cấp: 21/07/2005 Nơi cấp: C.A Hà Nội
- Giới tính	Nam	
- Ngày tháng năm sinh	14/12/1971	
- Nơi sinh	Ninh Bình	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Gia Tân – Gia Viễn – Ninh Bình	
- Địa chỉ thường trú	Trung Kính – Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội	
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(04) 62865483	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư	
- Quá trình công tác		
- 1997 đến T5/2006	Phụ trách kế hoạch kỹ thuật Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	
- 2006 đến 2007	Trưởng phòng kỹ thuật kế hoạch CTCP ĐT XD và lắp máy TMC	
- 2007 đến nay	Ủy viên thường trực Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	
- Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên Hội Đồng Quản Trị	
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không	
- Số cổ phần nắm giữ	75.000 cổ phần	
Trong đó		
+ Sở hữu	75.000 cổ phần	
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần	
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	1,6%	

3. Bà Dương Thị Thủy - Ủy Viên Hội đồng quản trị (xem mục 2.1.2)

4. Ông Tạ Văn Tú - Ủy Viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên	Tạ Văn Tú	
- Số CMND	013319144	Ngày cấp: 03/07/2010 Nơi cấp: C.A Hà Nội
- Giới tính	Nam	
- Ngày tháng năm sinh	26/12/1980	
- Nơi sinh	Ninh Bình	

- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Quê quán	Gia Lập – Gia Viễn – Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú	123 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(04) 62865483
- Trình độ văn hóa	Đại Học
- Trình độ chuyên môn	Luật Sư
- Quá trình công tác	
- 2006 đến 2014	Làm việc tại công ty CP đầu tư XD Bạch Đằng TMC
- 2014 đến nay	Làm việc tại công ty CP đầu tư XD Bạch Đằng TMC (không thường xuyên)
- Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên thường trực Hội Đồng Quản Trị kiêm Thư ký chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Luật Á Châu Việt
Số cổ phần nắm giữ	9.000 cổ phần
Trong đó	
+ Sở hữu	9.000 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	0,02%

5. Ông Phạm Đình Huỳnh - Ủy Viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên	Phạm Đình Huỳnh	
- Số CMND	013662452	Ngày cấp: 27/09/2013 Nơi cấp: C.A Hà Nội
- Giới tính	Nam	
- Ngày tháng năm sinh	06/03/1984	
- Nơi sinh	Nam Định	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Nam Hồng - Nam Trực - Nam Định	
- Địa chỉ thường trú	Xóm Án - Tân Triều - Thanh Trì - HN	
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan	(04) 62865483	
- Trình độ văn hóa	Đại Học	

- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu đường
- Quá trình công tác	
- 2010 đến nay	Làm việc tại công ty CP tư vấn và đầu tư XD Quốc Tế
- Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên Hội Đồng Quản Trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	không
Số cổ phần nắm giữ	2.400 cổ phần

Trong đó

+ Sở hữu	2.400 cổ phần
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	0,01%

b, Các tiểu ban của Hội đồng quản trị :

Thư ký công ty: Ông Tạ Văn Tú

c, Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện ngay các hoạt động quản trị, điều hành công ty. Hội đồng quản trị trực tiếp kiểm tra giám sát và chỉ đạo ban Tổng giám đốc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hội đồng quản trị còn trực tiếp chỉ đạo một số công trình trọng điểm, công trình lớn và các dự án đầu tư của công ty.

Sau Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã họp các phiên thường kỳ và bất thường để xem xét và quyết định một số vấn đề có liên quan đến công tác quản trị và chỉ đạo triển khai các hoạt động của công ty.

Năm 2016, Hội đồng quản trị đã ban hành và thông qua 08 văn bản Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản trị điều hành và thay đổi nhân sự ban Tổng giám đốc công ty. Các văn bản được thông qua cuộc họp HĐQT, được các thành viên HĐQT nhất trí cao, được ban hành đúng pháp luật và có giá trị thực thi cao.

Trong quan hệ với các cổ đông, HĐQT luôn thông tin kịp thời các hoạt động sự kiện của công ty đến các cổ đông qua báo chí, qua website của công ty, qua đường công văn ... Ban thư ký của công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật và đã thực hiện các thông báo, trả lời ý kiến cổ đông, đảm bảo các thông tin chính thức được đến với cổ đông.

d, Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành gồm 2 thành viên:

1. Ông Tạ Văn Tú : Là NV không thường xuyên làm việc tại công ty
2. Ông Phạm Đình Huỳnh : Không làm việc tại công ty

e, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Ban thư ký công ty đóng góp vai trò giúp việc tích cực cho Hội đồng quản trị, đảm bảo việc tổ chức các cuộc họp HĐQT được thực hiện theo đúng thể thức và các nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Ban thư ký công ty cũng hoạt động tích cực trong việc cung cấp thông tin để thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật đến các cổ đông và là cầu nối giữa Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc.

f, Danh sách thành viên HĐQT được đào tạo về quản trị công ty

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thường	1960	Kỹ sư xây dựng	Chủ tịch HĐQT	Tham gia chương trình về quản trị công ty
2	Đình Đức Tân	1971	Cử nhân kinh tế	Thành viên HĐQT	Tham gia chương trình về quản trị công ty
3	Dương Thị Thủy	1979	Cử nhân kinh tế	Thành viên HĐQT	Tham gia chương trình về quản trị công ty
4	Tạ Văn Tú	1980	Luật sư	Thành viên HĐQT	Tham gia chương trình về quản trị công ty
5	Phạm Đình Huỳnh	1982	Kỹ sư cầu đường	Thành viên HĐQT	Tham gia chương trình về quản trị công ty

2. Ban kiểm soát

a, Thành viên Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Đặng Thị Nụ	Trưởng ban KS	0,11%	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên Ban KS	0%	
3	Lê Thị Thuý	Thành viên Ban KS	0,03%	

Danh sách Ban kiểm soát : Gồm 3 thành viên

1. Trưởng ban Kiểm Soát - Bà Đặng Thị Nụ

- Họ và tên **Đặng Thị Nụ**
- Số CMND 011996437 Ngày cấp:10/05/2012
Nơi cấp:C.A Hà Nội
- Giới tính Nữ
- Ngày tháng năm sinh 06/01/1966
- Nơi sinh Trục Thái-Trục Ninh-Nam Định
- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh

- Quê quán Trực Thái-Trực Ninh-Nam Định
- Địa chỉ thường trú Số 16-Ngõ18-Khuong Hạ-Khuong Đình- Thanh Xuân-HN
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan
- Trình độ văn hóa 12/12
- Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán DN
- Quá trình công tác
- 1986 đến nay Tổng công ty công trình giao thông 8
- Chức vụ công tác hiện nay Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác Không
- Số cổ phần nắm giữ 5.000 cổ phần

Trong đó

- + Sở hữu 5.000 cổ phần
- + Đại diện sở hữu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0,11%

2 . Ủy Viên BKS - Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Họ và tên Nguyễn Mạnh Hùng
- Số CMND 011962851 Ngày cấp: 03/02/2010
Nơi cấp: C.A HN
- Giới tính Nam
- Ngày tháng năm sinh 18/10/1981
- Nơi sinh 35 Hàng Bạc – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Quốc tịch Việt Nam
- Dân tộc Kinh
- Quê quán 35 Hàng Bạc – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú 35 Hàng Bạc – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan (04) 62865483
- Trình độ văn hóa 12/12
- Trình độ chuyên môn Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác
- 2012 đến nay Cán bộ CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC
- Chức vụ công tác hiện nay Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác Không

- Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần
- Trong đó**
- + Sở hữu 0 cổ phần
- + Đại diện sở hữu 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết 0%

3. Ủy Viên BKS - Bà Lê Thị Thúy

- Họ và tên: **Lê Thị Thúy**
- Số CMND: 164095055 Ngày cấp: 2/3/2012
Nơi cấp: C.A Ninh Bình
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 27/11/1981
- Nơi sinh: Ninh Xuân – Hoa
Lư - Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh Xuân – Hoa Lư – Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 164 Chiến Thắng - Minh Khai - Nam
Thành – Ninh Bình
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 62865483
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Ngoại Ngữ - Đại học Ngoại ngữ -
quốc gia Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - 2006 đến nay: Nhân viên Phòng tổ chức hành chính Công
ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng
TMC
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban
Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.500 cổ phần
- Trong đó**
- + Sở hữu: 1.500 cổ phần
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: 0.03%

b, Hoạt động Ban kiểm soát:

Trong quá trình hoạt động Ban kiểm soát đã tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, với nhiệm vụ giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc theo những nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2016, ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp để đánh giá hoạt động của Hội Đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và đã nắm rõ việc hoạt động của công ty trong năm 2016.

3. Các Giao dịch, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a, Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

Việc trả lương, thưởng các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát làm việc tại công ty trả theo Quy chế tiền lương, thu nhập của công ty áp dụng cho toàn thể cán bộ, công nhân viên thuộc khối phòng ban và các đơn vị phục vụ hưởng lương theo khối phòng ban.

- Các khoản thù lao ngoài lương như sau: Năm 2016 trả thù lao cho HĐQT và ban kiểm soát theo quyết định tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ 11/2016

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Tháng 5/2016, Ông Tạ Văn Tú - Ủy viên hội đồng quản trị công ty đã đăng ký và mua thành công 40.000 cổ phiếu BHT của công ty

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2016, cổ đông nội bộ không có hợp đồng hoặc giao dịch nào

d, Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Trong năm 2016, công ty thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty theo pháp luật hiện hành

VI. Báo cáo tài chính

Bản báo cáo kiểm toán đầy đủ đã gửi TTGDCK Hà Nội, Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo quy định.

1. Ý kiến kiểm toán:

a. Kiểm toán độc lập:

- **Đơn vị kiểm toán:** Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Địa chỉ : 706A5 – Làng quốc tế Thăng Long – Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại : 043.7931428

Fax : 043.7931429

Ý kiến của kiểm toán độc lập

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b, Kiểm toán nội bộ

Ý kiến đánh giá của Ban kiểm soát: “Số sách kế toán được mở và ghi chép đầy đủ, rõ ràng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh”.

2. Báo cáo kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		148.242.501.659	179.889.067.432
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.156.928	3.683.683.688
1.	Tiền	111	V.01	17.156.928	3.683.683.688
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.365.804.663	59.727.641.567
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	20.730.003.464	30.230.038.570
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.402.035.635	6.084.185.635
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	23.910.531.502	28.330.438.783
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(11.676.765.938)	(4.917.021.421)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		108.643.678.523	116.033.125.166
1.	Hàng tồn kho	141	V.05	115.821.707.261	116.033.125.166
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.178.028.738)	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		215.861.545	444.617.011
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	94.364.011
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		215.861.545	350.253.000
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.077.996.388	25.012.857.056
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	49.550.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	-	49.550.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		21.756.109.948	24.428.641.730
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	5.655.767.585	8.328.299.367
	- Nguyên giá	222		29.330.992.873	29.283.492.873
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.675.225.288)	(20.955.193.506)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	16.100.342.363	16.100.342.363
	- Nguyên giá	228		16.100.342.363	16.100.342.363
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		321.886.440	534.665.326
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	321.886.440	534.665.326
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		170.320.498.047	204.901.924.488

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		151.093.575.105	158.134.809.207
I.	Nợ ngắn hạn	310		67.825.791.085	75.106.814.847
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	9.413.390.388	16.159.437.332
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.389.898.203	8.045.802.264
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	14.098.626.743	9.685.584.217
4.	Phải trả người lao động	314		391.231.013	443.775.282
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	6.634.643.012	4.825.855.650
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.830.493.561	6.869.301.937
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	28.604.530.863	28.558.530.863
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		462.977.302	518.527.302
II.	Nợ dài hạn	330		83.267.784.020	83.027.994.360
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12	15.471.184.020	13.211.394.360
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	67.796.600.000	69.816.600.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.226.922.942	46.767.115.281
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	19.226.922.942	46.767.115.281
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		46.000.000.000	46.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.000.000.000	46.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		4.118.298.000	4.118.298.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.789.516.825	1.789.516.825
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(32.680.891.883)	(5.140.699.544)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(5.140.699.544)	690.000.080
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(27.540.192.339)	(5.830.699.624)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		170.320.498.047	204.901.924.488

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Minh

Dương Thị Thủy

Nguyễn Văn Thường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	6.603.202.514	9.872.269.296
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.603.202.514	9.872.269.296
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	13.240.306.915	14.543.138.688
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(6.637.104.401)	(4.670.869.392)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	202.811	428.493.071
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	2.474.055.022	2.568.443.655
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.474.055.022	2.568.443.655
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.07	10.208.506.487	6.165.695.158
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(19.319.463.099)	(12.976.515.134)
11.	Thu nhập khác	31	V.05	171.780.449	10.217.318.182
12.	Chi phí khác	32	V.06	6.763.684.417	3.071.502.672
13.	Lợi nhuận khác	40		(6.591.903.968)	7.145.815.510
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(25.911.367.067)	(5.830.699.624)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.628.825.272	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(27.540.192.339)	(5.830.699.624)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.09	(5.987)	(1.268)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.10	(5.987)	(1.268)

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Minh

Dương Thị Thủy

Nguyễn Văn Thường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(25.911.367.067)	(5.830.699.624)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.720.031.782	2.982.832.688
-	Các khoản dự phòng	03		13.937.773.255	1.490.808.234
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(202.811)	(428.493.071)
-	Chi phí lãi vay	06		2.474.055.022	2.568.443.655
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.779.709.819)	782.891.882
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.786.033.842	13.926.463.750
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		211.417.905	(3.272.703.345)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(9.088.629.119)	(1.736.335.650)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		307.142.897	251.680.734
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(25.935.277)	(535.320.267)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.181.430.593)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(55.550.000)	(127.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.645.229.571)	8.108.246.511
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(47.500.000)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		202.811	428.493.071
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(47.297.189)	428.493.071

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.123.000.000	2.367.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.097.000.000)	(10.153.730.206)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(875.528.234)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.974.000.000)	(8.662.258.440)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(3.666.526.760)	(125.518.858)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.683.683.688	3.809.202.546
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		17.156.928	3.683.683.688

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Minh

Dương Thị Thủy

Nguyễn Văn Thường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 01 đơn vị thành viên là chi nhánh

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC - Ninh Bình	Số 78, Đường Ngô Gia Tự, Phố Phúc Sơn, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

- Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 08 năm

- Quyền sử dụng đất lâu dài

Không trích khấu hao

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ là từ 1,5%/năm đến 10%/năm.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định của đại hội đồng cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và dịch vụ đã cung cấp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2016

TM Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT
(đã ký)

Nguyễn Văn Thường

